UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 12 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành quy định pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ An, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-STP ngày 02/11/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Phổ Thuận, Phổ Cường, Phổ An, phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; ngày 22/11/2021, Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Phổ An, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo số 27/BC-ĐTTr ngày 20/12/2021 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Để triển khai có hiệu quả công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; trong năm qua, Lãnh đạo UBND xã Phổ An đã ban hành các văn bản chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể cho công chức tư pháp - hộ tịch triển khai thực hiện; công chức tư pháp - hộ tịch đã tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của pháp luật về hộ tịch và chứng thực, từ đó, nâng cao nhận thức pháp luật về hộ tịch và chứng thực của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn xã.

UBND xã bố trí 01 công chức có trình độ chuyên môn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác tư pháp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp được Lãnh đạo UBND xã quan tâm bố trí đầy đủ, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Phổ An đã thực hiện đăng ký 889 sự kiện hộ tịch và chứng thực 108 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	**Năm 2020** *(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)*
Đăng ký khai sinh Trong đó: - Đúng hạn	**614** 104

- Quá hạn - Đăng ký lại	28 482
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	**116**
Đăng ký kết hôn	**71**
- Đăng ký lần đầu - Đăng ký lại	68 03
Đăng ký khai tử Trong đó: - Đúng hạn - Quá hạn	**88** 51 37
Tổng cộng	**889**

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	**Năm 2020** *(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)*
Chuyển nhượng	33
Tặng cho	57
Văn bản phân chia di sản thừa kế	13
Văn bản khai nhận di sản thừa kế	01
Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế	01
Hợp đồng ủy quyền	02
Văn bản hủy bỏ hợp đồng tặng cho	01
Tổng cộng	**108**

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kết quả kiểm tra sổ sách và xem xét ngẫu nhiên một số hồ sơ về đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND xã Phổ An thực hiện từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2020. Cụ thể như sau:

1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

1.1. Sổ hộ tịch

- UBND xã sử dụng Sổ đăng ký kết hôn, Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sổ đăng ký khai tử đúng biểu mẫu Sổ hộ tịch được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Sổ đăng ký khai sinh (quyển số 04): UBND xã in thông tin từ phần mềm về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và đóng thành Sổ là không đúng quy định tại khoản 1

Điều 18 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: *"Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký khai tử được ban hành theo Danh mục quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 17 của Thông tư này do Bộ Tư pháp trực tiếp in và phát hành"*. Theo đó, UBND xã phải sử dụng Sổ đăng ký khai sinh do Bộ Tư pháp ban hành.

- 07 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch không đúng quy định. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh, tại các số 32, 213, 317, 379, 469, 654/2020; trong Sổ đăng ký kết hôn, tại số 10/2020, gạch sửa thông tin, không ghi chú việc sửa thông tin theo quy định.

Việc sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/7/2020).

- 06 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ hộ tịch là vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT (nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP): *Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này.* Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số 38/2020, không ghi nơi cư trú người mẹ; số 240/2020: bỏ trống thông tin mục "nơi cư trú" cha mẹ; số 237, 238, 246/2020, không ghi năm sinh người cha; Trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số 17/2020, không ghi thông tin người ký Giấy chứng nhận kết hôn.

1.2. Hồ sơ đăng ký hộ tịch

- Hồ sơ đăng ký hộ tịch được lưu trữ gọn gàng, sắp xếp theo thứ tự đăng ký, thuận tiện cho công tác tra cứu, kiểm tra hồ sơ.

- Hầu hết các trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, hồ sơ không có thông tin về mối quan hệ cha mẹ con nhưng UBND xã không có văn bản đề nghị xác minh thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh; hoặc có văn bản đề nghị cung cấp thông tin về "bản khai nhân khẩu trong tàng thư hộ khẩu" tại cơ quan công an; hoặc hồ sơ đăng ký lại khai sinh chỉ có đơn đề nghị photo tài liệu hồ sơ hộ khẩu do công dân viết được UBND xã ký xác nhận và kết quả xác minh do cơ quan công an với nội dung "không có bản khai nhân khẩu trong tàng thư hộ khẩu" là không đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *"Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan",* trong những trường hợp này, UBND xã có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cơ quan công an xác minh thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai

sinh; kết quả xác minh của cơ quan công an phải thể hiện rõ có hay không có thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh, nếu không có thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thì hướng dẫn công dân lập văn bản cam đoan về thông tin cha mẹ.

- 04 trường hợp, UBND xã đăng ký lại kết hôn, nội dung Tờ khai đăng ký lại kết hôn không thể hiện ngày đăng ký kết hôn trước đây là không có cơ sở để xác định ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân trong Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Cụ thể: Hồ sơ đăng ký lại kết hôn số 13, 51, 55, 63/2020.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

UBND xã sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu Sổ được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2.2. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo thuận tiện cho công tác tra cứu, kiểm tra hồ sơ.

- Hầu hết các trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, các trang của hợp đồng, giao dịch không có chữ ký của người có thẩm quyền chứng thực là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP:*"...Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai".*

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi số tờ và số trang trong lời chứng chứng thực không chính xác, như: hồ sơ số 107 ngày 25/12/2020; hồ sơ số 96, 97 ngày 08/12/2020; hồ sơ số 102 ngày 11/12/2020…, hợp đồng chỉ có *05 trang, 05 tờ* (gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi hợp đồng gồm *06 trang, 06 tờ* hoặc văn bản chứng thực chỉ có *03 trang, 03 tờ* (gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi văn bản gồm *04 trang, 07 tờ.*

- UBND xã chứng thực 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có cùng một số chứng thực 97 ngày 08/12/2020, cụ thể: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thị Sành với Võ Chừng, Văn Thị Xuân Nương và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Lê Thị Qụa với Nguyễn Tấn Bừng, Lê Thị Mến.

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, hồ sơ lưu không đầy đủ các giấy tờ theo quy định của khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP:*"Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm*" và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định hồ sơ yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch: "*Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: a)Dự*

thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu", như: hồ sơ số 67 ngày 03/8/2020, hồ sơ số 88 ngày 11/11/2020 và hồ sơ số 108 ngày 31/12/2020, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hồ sơ số 53 ngày 05/6/2020, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng minh nhân dân của các bên giao dịch…

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực không đúng mẫu lời chứng được quy định tại Mẫu lời chứng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, như: hồ sơ số 96 ngày 08/12/2020, chỉ có 01 người khai nhận di sản thừa kế là ông Bùi Thanh Vân (em trai của người để lại di sản là bà Bùi Thị Điệp), theo quy định thì phải sử dụng mẫu lời chứng số 03 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Tuy nhiên, UBND xã sử dụng mẫu lời chứng số 04 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP: *"Các ông, bà có tên trên đã cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản khai nhận di sản"*; hồ sơ số 62 ngày 16/7/2020, chứng thực Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lương Thị Nghị (lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp một người từ chối nhận di sản) nhưng lời chứng lại chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo mẫu số 02 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, trong trường hợp này phải sử dụng mẫu lời chứng số 06 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi lời chứng chứng thực không phù hợp với thông tin thể hiện trong hợp đồng, giao dịch, cụ thể: Hồ sơ số 85 ngày 14/10/2020, thông tin thể hiện trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất: Trần Thị Diễm và Trần Thị Lệ là con ruột nhưng tại lời chứng chứng thực ghi Trần Thị Diễm và Trần Thị Lệ là em ruột.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 01, 02 ngày 07/01/2020), UBND xã chứng thực Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại một tổ chức hành nghề công chứng là không phù hợp thẩm quyền quy định. Bởi vì, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không quy định thẩm quyền của UBND cấp xã chứng thực đối với các Hợp đồng ủy quyền có bên ủy quyền và bên được ủy quyền ở hai nơi khác nhau nhưng không thể cùng đến UBND xã để lập Hợp đồng ủy quyền. Trường hợp này sẽ do tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Công chứng 2014: *"Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền"*.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ An, trong năm qua, đã đạt được một số kết quả nhất định. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch và công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện; giải quyết các việc về đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật; sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu quy định; hồ sơ lưu trữ gọn gàng, theo thứ tự đăng ký, thuận lợi cho công tác tra cứu, kiểm tra hồ sơ.

2. Tồn tại, sai sót

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ An, tuy đã đạt được một số kết quả nhưng quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, sai sót. Cụ thể:

2.1. Đăng ký hộ tịch

- 07 trường hợp (các số 32, 213, 317, 379, 469, 654/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; số 10/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn), công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- 06 trường hợp (số 38, 237, 238, 240, 246/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; số 17/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn), công chức tư pháp - hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT (nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- Hầu hết các trường hợp đăng ký lại khai sinh, hồ sơ không có thông tin về mối quan hệ cha mẹ con, UBND xã thực hiện việc xác minh thông tin cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- 04 trường hợp (hồ sơ số 13, 51, 55, 63/2020), UBND xã đăng ký lại kết hôn, Tờ khai không thể hiện ngày đăng ký kết hôn trước đây, không có cơ sở để xác định ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân trong Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn.

2.2. Chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Hầu hết các trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, người có thẩm quyền chứng thực không ký vào các trang của hợp đồng, giao dịch, không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi số tờ và số trang trong lời chứng chứng thực không chính xác, như: hồ sơ số 96, 97, 102, 107/2020,…

- UBND xã chứng thực 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có cùng một số chứng thực 97 ngày 08/12/2020.

- Một số trường hợp, UBND xã lưu trữ hồ sơ chứng thực không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14 và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, như: hồ sơ số 53, 67, 88, 108/2020,…

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực không đúng mẫu lời chứng được quy định tại Mẫu lời chứng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, như: hồ sơ số 62, 96/2020.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 85/2020), UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi lời chứng chứng thực không phù hợp với thông tin thể hiện trong hợp đồng, giao dịch.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 01, 02 ngày 07/01/2020), UBND xã thực hiện chứng thực Hợp đồng ủy quyền không phù hợp thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Điều 55 Luật Công chứng 2014.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Chủ tịch UBND xã Phổ An là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực các hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực hiện công tác này nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận, tham mưu giải quyết hồ sơ của công dân, chưa được chặt chẽ, kỹ lưỡng, áp dụng pháp luật chưa đúng, dẫn đến những sai sót trong quá trình thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

1. Đối với UBND xã Phổ An

1.1. UBND xã tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, tổ chức rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II, III Kết luận này.

1.2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch rà soát, khắc phục những sai sót, cụ thể:

- Về hồ sơ đăng ký hộ tịch: Bổ sung các thông tin còn thiếu tại các số đăng ký 38, 237, 238, 240, 246/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; tại số đăng ký 17/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn.

- Về hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Kiểm tra, điều chỉnh thông tin chưa đúng, chưa thống nhất đối với các hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch số 85, 96, 97, 102, 107/2020,…; bổ sung, hoàn

thiện đối với những hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch lưu không đầy đủ giấy tờ, như: hồ sơ số 53, 67, 88, 108/2020,…

+ Kiểm tra, rà soát những hợp đồng, giao dịch thiếu chữ ký của người có thẩm quyền chứng thực trong từng trang của hợp đồng, giao dịch để bổ sung, hoàn chỉnh.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Lãnh đạo UBND và công chức tư pháp hộ tịch xã Phổ An cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân về đăng ký hộ tịch đúng quy định của pháp luật.

Ghi chép, sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch theo đúng quy định Thông tư số 04/2020/TT-BTP; đối với các hồ sơ đăng ký lại khai sinh, không có giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, UBND xã phải có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh. Nếu cơ quan công an có thẩm quyền có văn bản trả lời không có thông tin hoặc không có văn bản trả lời thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thì công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn công dân làm văn bản cam đoan về thông tin cha, mẹ của người đăng ký lại khai sinh theo quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; đối với các hồ sơ đăng ký lại kết hôn, phải yêu cầu công dân xác định thời điểm đăng ký kết hôn trước đây trong Tờ khai đăng ký lại kết hôn để làm cơ sở xác định ngày xác lập quan hệ hôn nhân trong Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn.

1.4. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Ghi chép thông tin trong văn bản chứng thực đầy đủ, chính xác; khi thực hiện chứng thực, phải áp dụng đúng mẫu quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP; hồ sơ chứng thực phải được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để

bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Phổ An phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

2. Đối với Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ

Hàng năm, rà soát, tham mưu bố trí đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch trên địa bàn huyện đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch; có kế hoạch kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, chứng thực cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng trong quá trình giải quyết các việc đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Phổ An tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Phổ An phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND xã Phổ An;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (dt).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH QUẢNG NGÃI

Tôn Long Hiếu